

# Tác động của cơ chế chính sách đến khởi nghiệp ở Việt Nam

TRẦN NGUYỄN KHÁNH HẢI\*

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm kiểm định để đánh giá tác động của cơ chế chính sách đến sự tự tin về tính khả thi và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Các mối quan hệ này được thảo luận nhóm tập trung với hai nhóm sinh viên; Sau đó được kiểm chứng thông qua mẫu 408 sinh viên trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy cơ chế chính sách tác động trực tiếp, cùng chiều đến ý định sự tự tin về tính khả thi và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Đồng thời nghiên cứu này cũng cho thấy sự tự tin vào tính khả thi có vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa cơ chế chính sách và ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu một lần nữa khẳng định: Khi Chính phủ khuyến khích khởi nghiệp, nền kinh tế tạo nhiều cơ hội cho người khởi nghiệp, ngân hàng hỗ trợ vay vốn và chính sách pháp luật minh bạch sẽ tác động rất lớn đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

**Từ khóa:** Sinh viên đại học, ý định khởi nghiệp cơ chế chính sách, sự tự tin về tính khả thi.

## 1. Giới thiệu

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao trong hai thập kỷ gần đây là một thành tựu không thể phủ nhận của Việt Nam. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần phát triển đất nước là sự tăng về số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp. Trong đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ từ khu vực tư nhân chiếm gần 50% GDP và thu hút hơn 5 triệu việc làm hàng năm (VCCI, 2016).

Đồng thời, doanh nghiệp nhỏ và vừa là môi trường sinh thái cho khởi nghiệp, nhất là trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực chuyển đổi mô hình kinh tế gắn với nền kinh tế số.

Tuy vậy, hành trình khởi nghiệp không chỉ đơn giản là việc thành lập doanh nghiệp mới mà cần được nhìn nhận trong cả một quá trình từ ý định đến hành động (Hisrich và cộng sự, 2013). Hoạt động khởi nghiệp là hoạt động có dự định và kế hoạch (Krueger và cộng sự, 2000; Hisrich và cộng sự, 2013). Ý định khởi nghiệp là giai đoạn đầu của hoạt động khởi nghiệp và chịu ảnh hưởng của các nhân tố ngoại sinh (Jack và Anderson, 2002). Ý định thể hiện mức độ sẵn sàng của cá nhân để thực hiện hành vi và là tiền

đề trực tiếp của hành vi (Ajzen, 2011). Nghiên cứu của Armitage và Corner (2001), Kibler và cộng sự (2014), cho thấy ý định dự báo được khoảng 50% hành vi trong thực tế. Bởi vậy, việc hiểu rõ cơ chế tác động tới ý định khởi nghiệp được xem là biện pháp hiệu quả để nâng cao số lượng và chất lượng doanh nhân khởi nghiệp của quốc gia bởi “doanh nhân được tạo ra chứ không phải được sinh ra” (Boulton và Turner, 2005; Mellor và cộng sự, 2009). Do đó, để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp và văn hóa khởi nghiệp, đối với sinh viên, cần bắt đầu từ việc nâng cao ý định khởi nghiệp của họ thông qua đánh giá các nhân tố khởi nguồn của ý định khởi nghiệp (Schillo, 2016).

Nguyễn Thu Thủy (2015) cho rằng, bối cảnh khởi nghiệp tại các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam có nhiều điểm khác biệt nếu so sánh với các nước đang phát triển. Điển hình là: Các doanh nghiệp khởi nghiệp thường được hưởng lợi từ các quy định của chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp mới.

Như vậy, nghiên cứu quá trình hình thành nhà khởi nghiệp tiềm năng là rất quan trọng, vì đây là bước đầu tiên của quá trình khởi nghiệp. Hơn nữa, ý định khởi nghiệp được xem là chỉ báo rất quan trọng tác động đến việc thành lập

\* Trường Đại học Tài chính - Marketing